

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ- ST

Ngày 23/8/2024

V/v “Ly hôn; Tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thề

2. Ông Hoàng Văn Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2024/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2024 “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 23/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:*

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, không bị cưỡng ép kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2011 tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau

khi kết hôn anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2023 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như việc nuôi dạy con cái. Sau khi xảy ra mâu thuẫn hai vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện với nhau nhưng không tháo gỡ được mâu thuẫn và đã sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay, không còn quan tâm cũng không liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

1.2 Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 11/9/2011 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 11/7/2017. Tại đơn khởi kiện và bản tại khai chị có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Lan H, giao cháu Nguyễn Anh T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng hiện nay do anh T đi làm lái xe đường dài, hết giờ làm việc anh mới có mặt ở nhà, không đảm bảo cho việc nuôi dạy con cái nên chị đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu, không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp sau này anh T có đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với cháu T1 thì chị cũng nhất trí.

1.3 Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh T đều không có mặt. Kết quả xác minh xác định được hiện nay anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của Bà Dương Thị M là mẹ đẻ của anh T thì anh T và chị N có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới anh chị về chung sống tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do mâu thuẫn chuyện tình cảm của hai vợ chồng dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của hai vợ chồng không hàn gắn được và ngày càng trầm trọng. Hiện nay anh T đi lái xe đường dài, thường xuyên vắng mặt tại gia đình. Các Văn bản của Tòa án gửi anh T đã nắm được nhưng do công việc nên anh T không thể lên Tòa làm việc. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho thấy: Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị N kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại thôn R, xã S, huyện S. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo thôn được biết là liên quan đến vấn đề tình cảm của hai vợ chồng dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, anh T chạy xe đường dài và thường xuyên vắng mặt tại nhà. Về con chung anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh năm 2011 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh năm 2017. Về tài sản đất đai, công nợ chung thì thôn không nắm được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72

Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Hoàng Thị N: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Giao cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 11/9/2011 và Nguyễn Anh T1, sinh ngày 11/7/2017 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N xác định không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tố tụng*: Chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn R, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[2] *Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2011 tại UBND xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị N xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng phát sinh từ năm 2023 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau, hai vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Lời khai của chị N phù hợp với lời khai của mẹ đẻ anh T là bà Dương Thị M và kết quả xác minh tại địa phương. Như vậy, thực tế cuộc sống vợ chồng của chị N và anh T đã không tồn tại, cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ hay cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã

lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N là xử cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 11/9/2011 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 11/7/2017. Chị N đề nghị được quyền nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án anh T không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án, chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; kết quả xác minh cho thấy hiện tại anh T lái xe đường dài, thường xuyên vắng mặt tại gia đình và địa phương. Do vậy, cần giao hai cháu Nguyễn Thị Lan H và cháu Nguyễn Anh T1 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị N xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2011 ngày 05/9/2011 được Ủy ban nhân dân xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cấp cho chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T*).

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 11/9/2011 và cháu Nguyễn Anh T1, sinh ngày 11/7/2017 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001271 ngày 14 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001226266 ngày 14/5/2024 tại Công dịch vụ công quốc gia). Anh Nguyễn Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Sơn Nam (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Quốc Thể - Hoàng Văn Hùng

Phạm Thị Thùy Trâm